

CTCP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 – HSX: TV2

Đạp gió, rẽ sóng cùng Ô Môn 4

KHUYẾN NGHỊ: NẮM GIỮ

Giá mục tiêu: 43,900

Upside: +6%

Ngành xây lắp điện | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu TV2 với giá mục tiêu **43,900 VND/CP**, tương đương upside 6% (theo giá tham chiếu ngày 05/06/2025) dựa trên phương pháp định giá từng phần. Hiện tại cổ phiếu TV2 đang giao dịch ở mức EV/EBITDA FW 2025 và 2026 là 24.2x và 13.1x (mức trung vị 5 năm là 17.8x).

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Công việc tư vấn thiết kế gia tăng nhờ công ty cùng với liên danh đã giành được gói thầu EPC của dự án nhiệt điện Ô Môn 4.
- Quy hoạch điện 8 mở rộng đầu tư vào lưới điện và phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo động lực tăng trưởng mới TV2.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025/2026

Dự báo năm 2025

Doanh thu đạt **1,166 tỷ VND (-13% YoY)**, chủ yếu do trong kỳ chỉ còn khoảng 60 tỷ VND doanh thu EPC từ dự án điện sinh khối Hậu Giang (cùng kỳ ghi nhận 538 tỷ VND). **Biên lợi nhuận gộp đạt 17.3%, tăng 2.9 điểm %** chủ yếu do tỷ trọng doanh thu EPC giảm (có biên lợi nhuận gộp thấp).

LNST- CĐTS đạt 78 tỷ VND, tăng 20% YoY.

Dự báo năm 2026

Doanh thu đạt **2,889 tỷ VND (+148% YoY)** chủ yếu nhờ doanh thu mảng EPC và O&M đạt 2,748 tỷ VND (+163% YoY) với:

- Doanh thu tư vấn thiết kế cho EVN tăng 75% từ nền thấp.
- Giả định doanh thu từ hoạt động xây lắp 1,110 tỷ VND ở dự án nhiệt điện Ô Môn 4 (chiếm 20% tổng giá trị gói thầu).
- Doanh thu hoạt động O&M tăng 15% với công suất quản lý từ 5,000 MW lên mức 5,800 MW.

Tỷ lệ SGA/doanh thu đạt 7%, giảm -2.5% so với cùng kỳ, do tỷ trọng đóng góp của hoạt động EPC gia tăng.

LNST- CĐTS đạt 159 tỷ VND, tăng 105% YoY, PE fw 2026 đạt 17.9x, cao hơn 144% so với trung bình ngành (7.3x).

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q1/2025

Doanh thu và lợi nhuận thuần lần lượt đạt 300 tỷ VND (+26% YoY) và 15 tỷ VND (+36% YoY), tương đương hoàn thành 26% và 19% dự phóng doanh thu và lợi nhuận của BSC, hoàn thành 22% kế hoạch doanh thu của công ty.

RỦI RO: 1) hoạt động đầu tư của EVN bị gián đoạn, 2) các dự án NLTT trong QHĐ 8 triển khai chậm hơn kỳ vọng.

KQKD	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	1,061	1,336	1,166	2,889
Lợi nhuận gộp	209	192	202	383
NPATMI	51	65	78	159
EPS	756	963	1,151	2,355

Trung tâm phân tích BSC

Nguyễn Dân Trường

(Chuyên viên phân tích)

truongnd@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	42,300
Cổ phiếu LH (Triệu):	67.5
Vốn hoá (Tỷ VND):	2,856
Thanh khoản 30n (Triệu):	0.708
Sở hữu nước ngoài:	10.25%

Mở tài khoản



I. CẬP NHẬT KQKD Q1.2025

(Tỷ VND)	Q1.2024	Q1.2025	% YoY	% thực tế /dự phóng
Doanh thu thuần	238	300	26%	26%
EPC + O&M	233	281	21%	27%
Khác	5	18	260%	15%
Lãi gộp	35	43	23%	21%
Doanh thu tài chính	6	3	-50%	15%
Chi phí tài chính	2	2	0%	19%
-Lãi vay	2	2	0%	35%
Chi phí bán hàng	-	-		
Chi phí QLDN	24	24	0%	22%
Lãi từ HĐKD	14	18	29%	19%
Lãi/(lỗ) từ Khác	-	-		
LNTT	14	18	29%	19%
Thuế	2	3	50%	15%
LNST	12	15	25%	19%
CĐTS	-	-		
LNST_CĐTS	11	15	36%	19%
Thay đổi				
Biên lợi nhuận gộp	14.7%	14.3%	-0.4%	
EPC + O&M	15%	16%	1.0%	
Khác	20%	-22%	N/A	
Tỷ lệ SGA/DT	10.1%	8.0%	-2.1%	

Nguồn: BSC Research, TV2

Tóm tắt KQKD Q1/2025: lợi nhuận vẫn duy trì ở mức thấp

Doanh thu đạt 300 tỷ VND (+26% YoY), LNST-CĐTS đạt 15 tỷ VND (+36% YoY).

Doanh thu tăng chủ yếu nhờ hoạt động tư vấn thiết kế cho khách hàng tư nhân tăng so với mức nền thấp. Mặc dù số liệu tăng trưởng tốt nhưng xét về mặt giá trị tuyệt đối, doanh thu của công ty vẫn đang ở mức trung bình 5 năm qua.

Tỷ lệ SGA/doanh thu đạt 8%, giảm 2.1 điểm %. Chúng tôi đánh giá khối lượng công việc vẫn chưa tăng nhiều về mặt giá trị tuyệt đối nên chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn ổn định.

KQKD Q1/2025 hoàn thành 26% và 19% dự phóng doanh thu và lợi nhuận của BSC, hoàn thành 22% kế hoạch doanh thu của công ty. Đặc điểm lợi nhuận của TV2 thường được ghi nhận vào thời điểm cuối năm,

II. LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Công việc tư vấn thiết kế gia tăng nhờ công ty cùng với liên danh đã giành được gói thầu EPC của dự án nhiệt điện Ô Môn 4.

Ngày 05/06/2025, liên danh Doosan và TV2 đã trúng gói thầu EPC ở dự án nhiệt điện Ô Môn 4 trị giá gần 22,200 tỷ VND (560 triệu USD và 7,670 tỷ VND). Đây là tín hiệu tích cực đầu tiên sau hơn 3 năm TV2 không ghi nhận hợp đồng EPC quy mô lớn, mở ra triển vọng hồi phục doanh thu trong trung hạn.

Dựa trên quan điểm thận trọng, chúng tôi giả định TV2 đảm nhận công việc thi công với tỷ trọng 20% gói thầu (tức khoảng 4.400 tỷ VND), biên lợi nhuận ròng 3% giúp công ty ghi nhận khoảng 132 tỷ VND lợi nhuận ròng trong 3 năm, tương đương 44 tỷ VND/năm, so với lợi nhuận sau thuế đạt 65 tỷ VND trong năm 2024. Trong điều kiện TV2 có tỷ trọng công việc nhiều hơn hoặc tham gia thiết kế, chúng tôi sẽ cập nhật lại định giá trong báo cáo kế tiếp.

2. Quy hoạch điện 8 mở rộng đầu tư vào lưới điện và phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo động lực tăng trưởng mới TV2.

a) QHĐ 8 gia tăng mức đầu tư của lưới điện tăng thêm 143% so với quy hoạch cũ và tăng 265% so với mức 2010-2020.

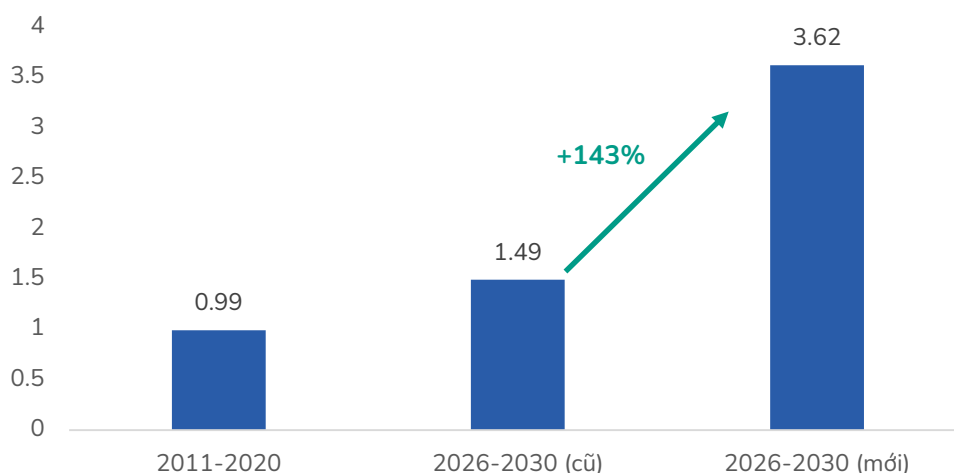
Tháng 4/2025, thủ tướng phê duyệt quyết định 768/QĐ-TTg về điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 – 2030, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc mở rộng hạ tầng điện, nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%/năm trong giai đoạn tới. Theo đó, mức đầu tư trung bình cho lưới điện là 3.62 tỷ USD/năm giai đoạn 2026 – 2030, cao hơn 143% so với QHĐ 8 cũ và cao hơn 265% so với giai đoạn 2010-2020.

Chúng tôi kỳ vọng sau khi QHĐ 8 đi vào triển khai, EVNNPT sẽ đẩy mạnh đầu tư lưới điện nhằm bám sát tiến độ quy hoạch, từ đó giúp TV2 gia tăng khối lượng công việc với EVN, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động đầu tư của EVN đã đình trệ kể từ năm 2021.

Ngoài ra, EVN đã được linh hoạt tăng giá điện 3 tháng/lần nếu chi phí đầu vào tăng 3%, giúp bổ sung nguồn lực để thúc đẩy đầu tư lưới điện, vốn bị gián đoạn trong giai đoạn 2021–2023 do áp lực cân đối tài chính.

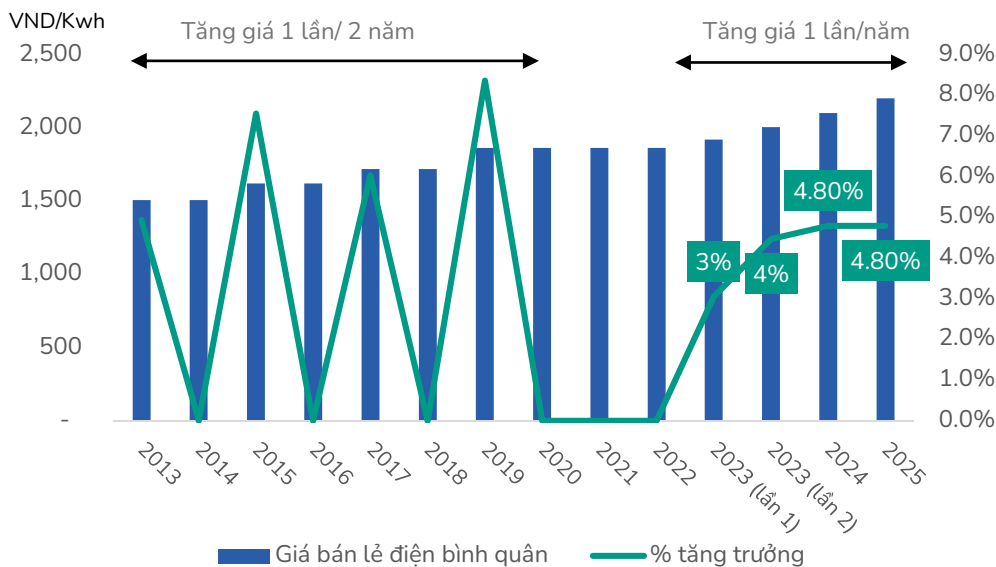
Quy hoạch mới tăng 143% mức đầu tư vào lưới điện

Tỷ USD/năm



Nguồn: Quyết định 768/QĐ-TTg, BSC Research

Giá bán lẻ điện của EVN bắt đầu tăng tốc nhanh hơn từ năm 2023



Nguồn: EVN, BSC Research

b) Xu hướng mở rộng năng lượng tái tạo theo QHĐ 8 điều chỉnh sẽ tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho TV2 trong mảng EPC và O&M.

Theo QHĐ 8 điều chỉnh tầm nhìn 2030, quy mô công suất điện mặt trời thêm 179% và công suất điện gió trên bờ, gần bờ thêm 314% so với năm 2024. **Đây là tín hiệu tích cực đối với TV2 sau 4 năm thị trường EPC NLTT gần như “đóng băng”.** Với kinh nghiệm triển khai tổng cộng 345 MW công suất NLTT trong 6 năm qua, TV2 được kỳ vọng sẽ có lợi thế cạnh tranh rõ rệt khi thị trường EPC khu vực tư nhân sôi động trở lại.

Bên cạnh năng lực triển khai dự án, TV2 còn sở hữu hệ sinh thái dịch vụ hoàn chỉnh, bao gồm cả vận hành và bảo trì (O&M), giúp chủ đầu tư tối ưu chi phí trong suốt vòng đời dự án – yếu tố quan trọng được nhà đầu tư quan tâm trong bối cảnh bất định.

Dự kiến trong Q2/2025, quá trình đấu thầu các dự án NLTT sẽ hoàn tất, tạo cơ sở để các công ty bắt đầu triển khai. Khi TV2 có thông tin chính thức về hợp đồng tổng thầu EPC mới trong đại hội cổ đông ngày 27/06, chúng tôi sẽ cập nhật đến quý nhà đầu tư.

Tại thời điểm cuối năm 2024, công ty đang đảm nhiệm hoạt động O&M cho hơn 4,800 MW công suất NLTT (doanh thu ước tính 450 tỷ VND/năm). Từ năm 2026, chúng tôi kỳ vọng doanh thu mảng này của công ty sẽ tăng trưởng 15%/năm nhờ làn sóng đầu tư mở rộng công suất NLTT theo QHĐ 8, kéo theo gia tăng theo nhu cầu thuê dịch vụ O&M.

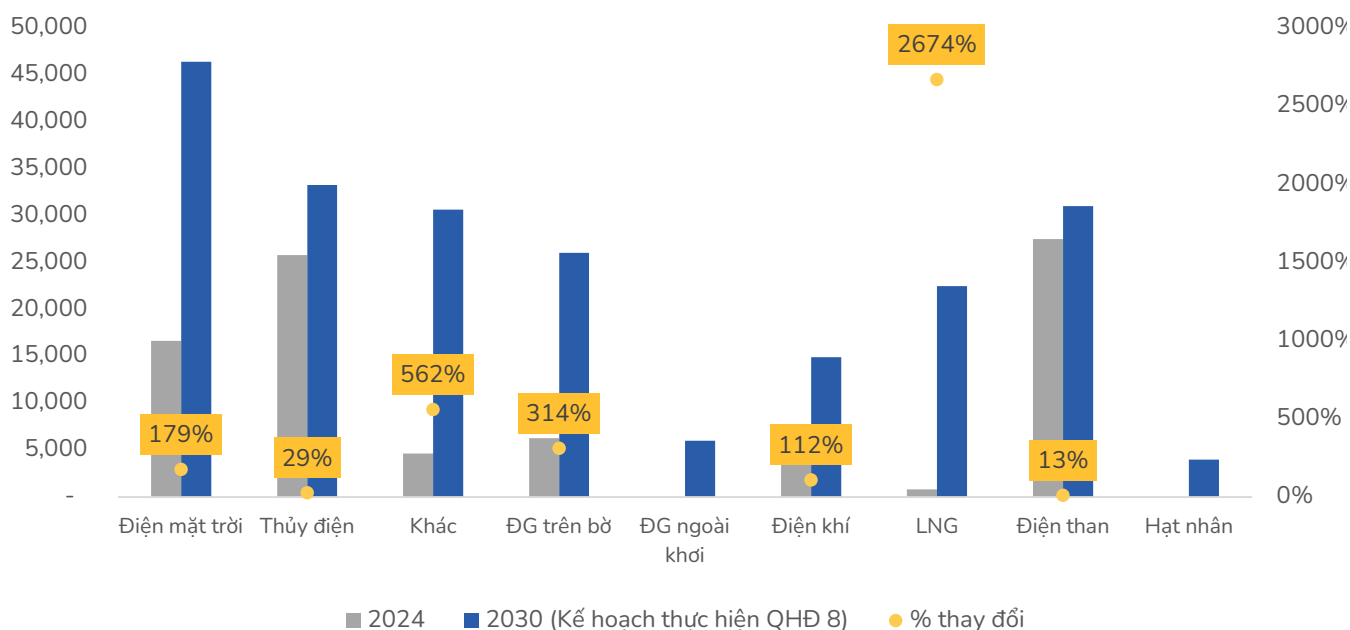
Các dự án NLTT do TV2 làm tổng thầu EPC

Dự án	Loại hình	Công suất	Thời điểm vận hành
Tân Thuận	Điện gió gần bờ	75 MW	10/2021
Gio Thành 1&2	Điện mặt trời	100 MW	12/2020
Sơn Mỹ 3.1	Điện mặt trời	50 MW	6/2019
Bạc Liêu	Điện gió	99 MW	2016
Hậu Giang	Điện sinh khối	20 MW	Dự kiến Q1/2025

Nguồn: TV2

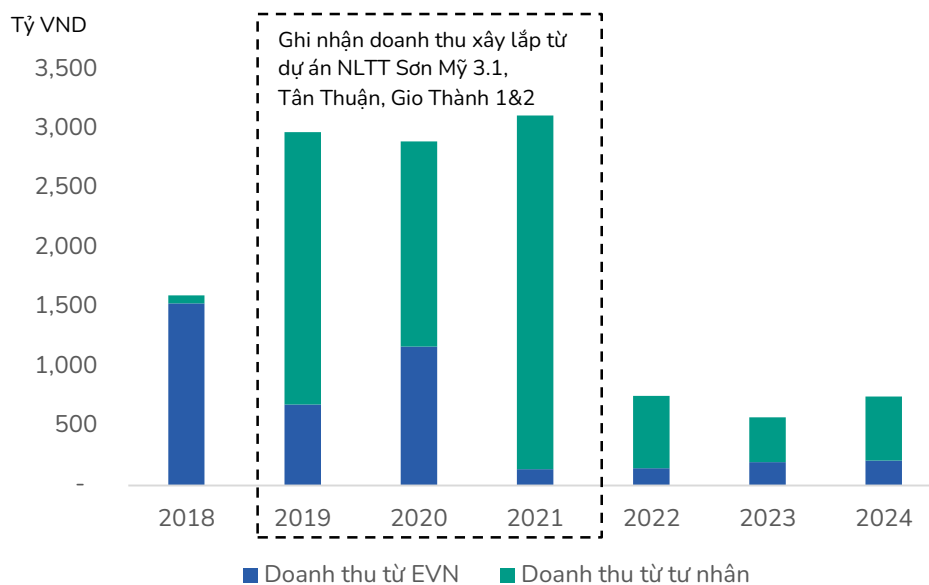
NLTT được định hướng tăng mạnh công suất với tầm nhìn đến năm 2030

Mw



Nguồn: Quyết định 768/QĐ-TTg, BSC Research

Hoạt động EPC của TV2 sụt giảm nghiêm trọng từ năm 2022 cả khách hàng tư nhân lẫn EVN



Nguồn: TV2, BSC Research ước tính

III. DỰ PHÓNG KQKD 2025/2026

(Tỷ VND)	2024	2025F	%YoY	2026F	%YoY
Doanh thu thuần	1,336	1,166	-13%	2,889	148%
EPC + O&M	1,217	1,044	-14%	2,748	163%
Khác	119	122	2%	142	16%
Lãi gộp	192	202	5%	383	90%
Doanh thu tài chính	20	20	1%	27	34%
Chi phí tài chính	16	11	-34%	11	0%
-Lãi vay	8	6	-30%	6	0%
Chi phí bán hàng	6	5	-13%	13	148%
Chi phí QLDN	112	111	-1%	202	83%
Lãi từ HĐKD	78	95	22%	184	93%
LNTT	80	97	21%	199	105%
Thuế	15	19	29%	40	105%
LNST	65	78	20%	159	105%
LNST_CĐTS	65	78	20%	159	105%
			Thay đổi		Thay đổi
Biên gộp mảng điện	14.4%	17.3%	2.9%	13.2%	-4.0%
EPC + O&M	14%	18%	3%	13%	-4%
Khác	13%	14%	0%	13%	-1%
Tỷ lệ SGA/DT	8.4%	9.5%	1.1%	7.0%	-2.5%

Nguồn: TV2, BSC Research

Dự báo năm 2025

Doanh thu đạt 1,166 tỷ VND (-13% YoY), chủ yếu do trong kỳ chỉ còn khoảng 60 tỷ VND doanh thu EPC từ dự án điện sinh khối Hậu Giang (cùng kỳ ghi nhận 538 tỷ VND).

Biên lợi nhuận gộp đạt 17.3%, tăng 2.9 điểm % chủ yếu do tỷ trọng doanh thu EPC giảm (có biên lợi nhuận gộp thấp).

LNST- CĐTS đạt 78 tỷ VND, tăng 20% YoY.

Dự báo năm 2026

Doanh thu đạt 2,889 tỷ VND (+148% YoY) chủ yếu nhờ doanh thu mảng EPC và O&M đạt 2,748 tỷ VND (+163% YoY) với:

- Doanh thu tư vấn thiết kế cho EVN tăng 75% từ nền thấp.
- Giả định doanh thu từ hoạt động xây lắp 1,110 tỷ VND ở dự án nhiệt điện Ô Môn 4.
- Doanh thu hoạt động O&M tăng 16% với công suất quản lý từ 5,000 MW lên mức 5,800 MW.

Tỷ lệ SGA/doanh thu đạt 7%, giảm -2.5% so với cùng kỳ, do tỷ trọng đóng góp của hoạt động EPC gia tăng.

LNST- CĐTS đạt 159 tỷ VND, tăng 105% YoY.

IV. ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu TV2 với giá mục tiêu **43,900 VND/CP**, tương đương upside 6% (theo giá tham chiếu ngày 05/06/2025) dựa trên phương pháp định giá từng phần. Hiện tại cổ phiếu TV2 đang giao dịch ở mức EV/EBITDA FW 2025 và 2026 là 24.2x và 13.1x (mức trung vị 5 năm là 17.8x).

Định giá hoạt động kinh doanh chính của TV2 theo phương pháp EV/EBITDA

EV/EBITDA trung vị 2020 - 2024	17.8
Giá trị hiện tại của EBITDA 2026	140
EV	2,484
Lợi ích cổ đông thiểu số	-
Tiền mặt	202
Nợ vay	125
Vốn hóa mục tiêu (tỷ VND)	2,561

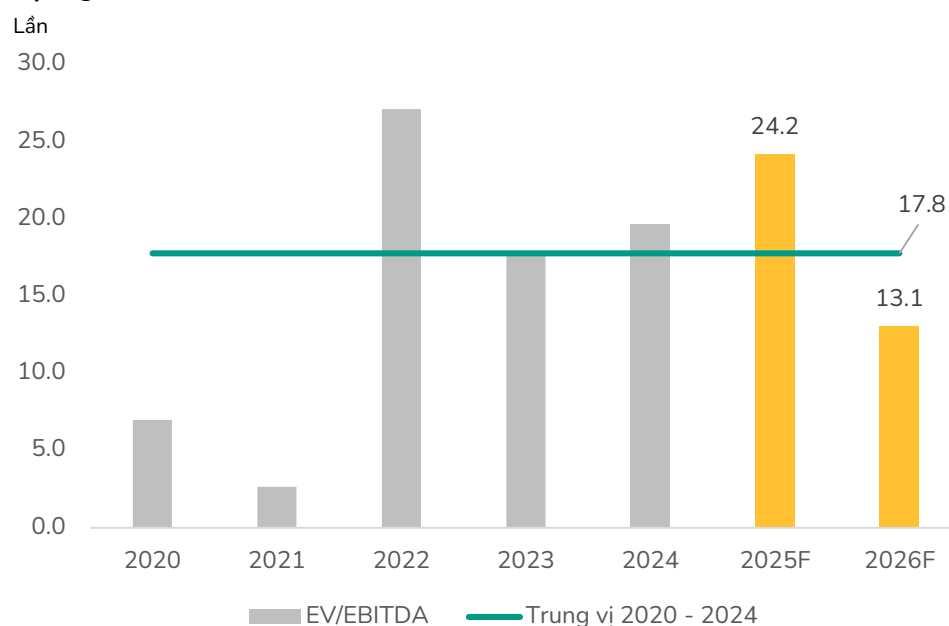
Nguồn: BSC Research

Bảng tổng hợp định giá TV2

Tỷ VND	Phương pháp	NAV
Hoạt động kinh doanh chính	EBITDA	2,561
Đầu tư công ty liên kết	Book value	401
Tổng giá trị VCSH		2,962
SLCP (Triệu CP)		67.5
Giá mục tiêu (VND/CP)		43,900
Giá hiện tại (VND/CP)		42,300
Tỷ suất cổ tức		2%
Upside		6%

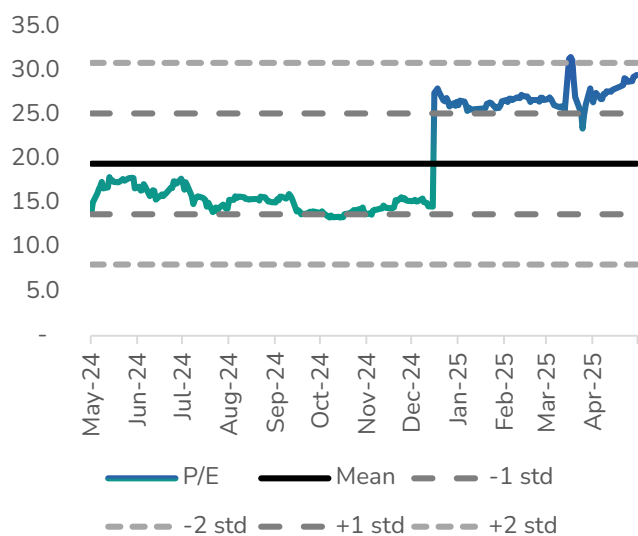
Nguồn: BSC Research

Định giá EV/EBITDA của TV2

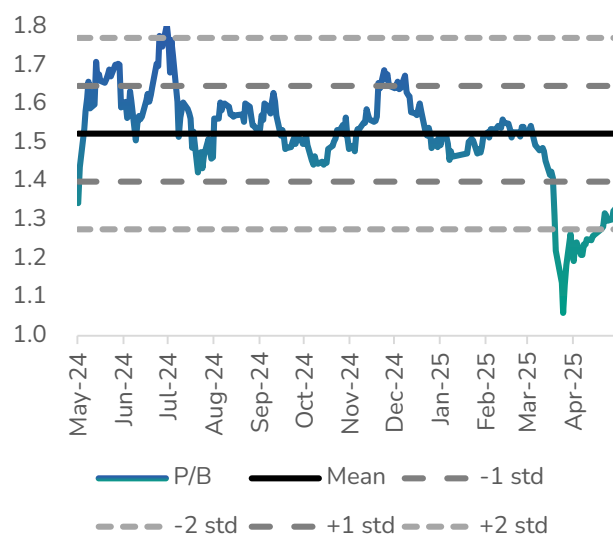


Nguồn: TV2, BSC Research ước tính

Stock PE



Stock PB



Nguồn: BSC Research, Bloomberg

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	1,061	1,336	1,166	2,889
Giá vốn hàng bán	852	1,144	964	2,506
Lợi nhuận gộp	209	192	202	383
Chi phí bán hàng	2	6	5	13
Chi phí QLDN	137	112	111	202
Lãi/lỗ HDKD	70	74	86	180
Doanh thu tài chính	26	20	20	27
Chi phí tài chính	33	16	11	11
Chi phí lãi vay	7	8	6	6
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	1	2	2	2
LN trước thuế	64	80	97	199
Thuế thu nhập DN	13	15	19	40
LN sau thuế	51	65	78	159
CĐTS	-	-	-	-
LNST-CĐTS	51	65	78	159
EBITDA	111	113	115	212
EPS	756	963	1,151	2,355

LCTT (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
(lỗ)/LNST	53	65	78	156
Khấu hao và phân bổ	47	48	35	37
Thay đổi vốn lưu động	(251)	126	251	(209)
Điều chỉnh khác	1	(46)	-	-
LCTT từ HĐ KD	(150)	193	364	(17)
Tiền chi mua TSCĐ	(21)	(21)	(23)	(38)
Đầu tư khác	11	32	-	-
LCTT từ HĐ đầu tư	(10)	11	(23)	(38)
Tiền chi trả cổ tức	-	(68)	-	-
Tiền từ vay ròng	86	(66)	-	-
Tiền thu khác	1	1	-	-
LCTT từ HĐ tài chính	87	(133)	-	-
Dòng tiền đầu kỳ	198	127	198	539
Tiền trong kỳ	(73)	71	341	(55)
Dòng tiền cuối kỳ	125	198	539	484

CĐKT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	1,610	1,332	1,489	1,923
Tiền & Tương đương tiền	127	200	539	484
Đầu tư ngắn hạn	145	103	103	103
Phải thu ngắn hạn	1,241	839	622	986
Hàng tồn kho	72	156	193	317
TS ngắn hạn khác	24	33	33	33
Tài sản dài hạn	851	841	832	834
Tài sản hữu hình	445	428	417	419
Tài sản dở dang dài hạn	139	137	132	126
Đầu tư dài hạn	15	5	5	5
Tài sản dài hạn khác	9	9	9	9
Tổng Tài sản	2,461	2,173	2,322	2,757
Tổng nợ ngắn hạn	1,087	836	907	1,186
Nợ phải trả	476	363	434	713
Vay ngắn hạn	207	141	141	141
Nợ ngắn hạn khác	404	332	332	332
Tổng nợ dài hạn	41	27	28	28
Vay dài hạn	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	41	27	28	28
Tổng nợ phải trả	1,128	863	935	1,214
Vốn góp	675	675	675	675
Thặng dư vốn cổ phần	5	5	5	5
LN chưa phân phối	261	225	303	458
Vốn chủ khác	393	404	404	404
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	1,334	1,309	1,387	1,542
Tổng nguồn vốn	2,462	2,172	2,322	2,757
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	68	68	68	68

Chỉ số (%)	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng thanh toán				
Hệ số TT ngắn hạn	1.5	1.6	1.6	1.6
Hệ số TT nhanh	1.4	1.4	1.4	1.3
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	0.08	0.06	0.06	0.05
Hệ số Nợ/Nguồn vốn	0.16	0.11	0.10	0.09
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	33	36	66	59
Số ngày phải thu	476	270	216	147
Số ngày phải trả	339	134	151	132
CCC	171	173	132	74
Tỉ suất lợi nhuận				
Biên Lợi nhuận gộp	20%	14%	17%	16%
Biên Lợi nhuận ròng	5%	5%	7%	8%
ROE	4%	5%	6%	11%
ROA	2%	3%	3%	6%
Định giá				
PE	10.88	9.7	33.80	16.86
PB	1.26	1.24	1.90	1.70
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-20%	26%	-13%	62%
Tăng trưởng EBIT	23%	6%	16%	106%
Tăng trưởng LNNT	-6%	27%	20%	100%
Tăng trưởng EPS	-6%	27%	20%	100%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpm@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Nguyễn Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyhch@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn